Tuần học từ: 04/5/2020 – 09/5/2020(Tuần 28)

**Môn Toán – Lớp 6**

**Chủ đề 1 (SỐ HỌC): PHÂN SỐ**

**Phép trừ phân số - Luyện tập phép trừ phân số**

**Luyện tập các phép tính về phân số**

**Chủ đề 2 (HÌNH HỌC): GÓC**

**Khi nào thì** $\hat{xOy}+\hat{yOz}=\hat{xOz}$

**1. Kiến thức:**

– Hiểu thế nào là 2 số đối nhau. Hiểu và vận dụng được qui tắc trừ phân số.

* ­­Biết cách thực hiện các phép tính với hỗn số, biết tính nhanh khi cộng 2 hỗn số.
* Được củng cố các kiến thức về cách viết hỗn số thành phân số và ngược lại; viết phân số thành số thập phân, dùng kí hiệu % và ngược lại.

– HS hiểu và vận dụng được quy tắc so sánh 2 phân số cùng mẫu và không cùng mẫu, nhận biết được phân số âm hay dương.

– Hiểu và vận dụng được qui tắc trừ 2 phân số cùng mẫu và không cùng mẫu.

**2. Kỹ năng:**

– Có kĩ năng quy đồng mẫu các phân số.

– Có kĩ năng viết các phân số đã cho dưới dạng các phân số có cùng mẫu dương để so sánh.

– Có kĩ năng tìm số đối và thực hiện được phép trừ p/số, mối quan hệ giữa p/cộng và trừ p/số.

* Có kĩ năng trừ phân số, có ý thức nhận xét đặc điểm của các phân số để trừ nhanh, đúng.

– Có kĩ năng vận dụng các tính chất một cách hợp lí vào để giải toán

**3. Thái độ:**

– Tạo cho HS ý thức làm việc theo qui trình, thói quen tự học.

– Cẩn thận, yêu thích, nghiêm túc học Toán.

1. **NỘI DUNG**

 **PHÉP TRỪ PHÂN SỐ**

1. **KIỂM TRA BÀI CŨ:**

**Bài 54/30:** Cho biết kết quả bài làm đúng hay sai.

(đúng)

 (đúng)

 ** (đúng)**

**II. BÀI MỚI**

| **Nội dung học sinh ghi vào tập** | **Hướng dẫn** |
| --- | --- |
|  **PHÉP TRỪ PHÂN SỐ** **I. Số đối :**Kí hiệu phân số đối của  là Lưu ý:  | CÁC EM XEM BÀI GIẢNG CLICK VÀO LINK <https://www.youtube.com/watch?v=RhteX6gZjN0>Giải ?2.là số đối của phân số ; là số đối của phân số;2 phân sốvà là 2 số đối nhau. .Giải ?3 /32 |
| **II. Phép trừ phân số :**VD: Tính : | Quy tắc:–Cộng số bị trừ với số đối của số trừ– Hiệu đó là 1 số khi đem cộng với  |
| **3. Luyện tập:** **PHẦN BÀI TẬP HỌC SINH CẦN GIẢI (Nộp GV)****Bài 59 (trang 33 SGK Toán 6 tập 2)**: Tính: Giải bài 59 trang 33 SGK Toán 6 Tập 2 | Giải toán lớp 6 | **Hướng dẫn:** **Bài 59 (trang 33 SGK Toán 6 tập 2)**: Các câu còn lại làm theo quy tắc, tương tự câu a |

**LUYỆN TẬP PHÉP TRỪ PHÂN SỐ**

**I. KIỂM TRA BÀI CŨ**

 **-** Nhắc lại cách so sánh hai phân số (học ở tiểu học): ***Với hai phân số cùng mẫu, phân số nào có tử nhỏ hơn thì phân số đó nhỏ hơn; phân số nào có tử lớn hơn thì phân số đó lớn hơn.***

- Muốn cộng hai phân số không cùng mẫu số ta quy đồng cùng mẫu số rồi giữ nguyên mẫu số, cộng hai tử số lại với nhau.

**II. BÀI MỚI**

| **Nội dung học sinh ghi vào tập** | **Hướng dẫn** |
| --- | --- |
| **LUYỆN TẬP PHÉP TRỪ PHÂN SỐ** **PHẦN BÀI TẬP HỌC SINH CẦN GIẢI (Nộp GV)****Bài 1:**Bài 63/34: Tìm x, biết : a)   b)  c)   d)  | CÁC EM XEM BÀI GIẢNG CLICK VÀO LINK <https://www.youtube.com/watch?v=UxTOC7hA-9w> a)   b, c, d: tìm x theo quy tắc chuyển vế đổi dấu hoặc theo công thức tìm x |
| **Bài 2: Bài 62 (trang 34 SGK Toán 6 tập 2)**: Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài là 3/4 km, chiều rộng là 5/8 km.a) Tính nửa chu vi của khu đất (bằng kilômet).b) Chiều dài hơn chiều rộng bao nhiêu kilômet? | **Hướng dẫn Bài 62 (trang 34 SGK Toán 6 tập 2:****a)** Nửa chu vi của khu đất = chiều dài + chiều rộng:**b)** Chiều dài – chiều rộng**ĐS:**  |
|  **TOÁN THỰC TẾ:****Bài 3: Bài 65 (trang 34 SGK Toán 6 tập 2)**: Buổi tối (từ 19 giờ đến 21 giờ 30 phút), Bình định dành 1/4 giờ để rửa bát, 1/6 giờ để quét nhà và 1 giờ để làm bài. Thời gian còn lại Bình định dành để xem chương trình phim truyền hình kéo dài trong 45 phút. Hỏi Bình có đủ thời gian để xem hết phim không? | **Hướng dẫn:** **Bài 65 (trang 34 SGK Toán 6 tập 2)**: Tính tổng số thời gian Bình có Tính thời gian Bình rửa bát, quét nhà và làm bài hếtTính thời gian còn lại Bình có thể xem phimĐS: Bình có thể xem hết được bộ phim 45 phút và vẫn còn thừa 20 phút. |

**LUYỆN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỀ PHÂN SỐ**

| **PHẦN BÀI TẬP HỌC SINH CẦN GIẢI (Nộp GV)** | **Hướng dẫn** |
| --- | --- |
| **LUYỆN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỀ PHÂN SỐ** **Bài 4: Bài 68 (trang 35 SGK Toán 6 tập 2)**: Tính:Giải bài 68 trang 35 SGK Toán 6 Tập 2 | Giải toán lớp 6 | CÁC EM XEM BÀI GIẢNG CLICK VÀO LINK <https://www.youtube.com/watch?v=fEJyqUnWvew>Làm theo quy tắc thực hiện phép tính; nhớ quy đồng khi cộng, trừ phân số không cùng mẫu. Làm xong bấm máy tính kiểm tra kết quả. |
| **Bài 5:** Bài 99/47: Khi cộng phân số bạn Cường làm như sau: = $\frac{16}{5}+\frac{8}{3}$ =$$\frac{48}{15}+\frac{40}{15}=\frac{88}{15}=5\frac{13}{15}$$a) Bạn Cường đã tiến hành cộng hai hỗn số như thế nào?b) Có cách nào nhanh hơn không?**Chú ý: bài 5 là bài nâng cao dành cho HS khá giỏi****Bài 6:** Bài 100/47: Tính giá trị của biểu thức: A =  B =  | Hướng dẫn Bài 99/47: b) Cộng hai phần nguyên và cộng hai phần phân số**Hướng dẫn:** Bài 100/47: Tính giá trị của biểu thức: Làm theo quy tắc thực hiện phép tính; nhớ quy đồng khi cộng, trừ phân số không cùng mẫu. Làm xong bấm máy tính kiểm tra kết quả. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 7:** Bài 101/47: Thực hiện nhân chia hỗn số: a)b) | Hướng dẫn Bài 101/47: Đổi hỗn số ra phân số rồi thực hiện theo quy tắc nhân, chia phân số. |
| **Bài 8:** Bài 104/47: Viết phân số thành dạng số thập phân và dùng kí hiệu %: $\frac{7}{25}$ ; $\frac{19}{4}$ ; $\frac{26}{65}$ **Bài 9:**Bài 105/47: Viết các phần trăm sau dưới dạng số thập phân:7% ; 45% ; 216%  | **Hướng dẫn:** Bài 104/47: Viết phân số thành dạng số thập phân và dùng kí hiệu %: 0,28=28% 2 số còn lại làm tương tự**Hướng dẫn:** Bài 105/47: Viết các phần trăm sau dưới dạng số thập phân:7% == 0,07 ; 2 số còn lại làm tương tự |

**Chủ đề 2 (HÌNH HỌC): GÓC**

**KHI NÀO THÌ XÔY + YÔZ = XÔZ ?**

**I. KIỂM TRA BÀI CŨ**

 **Nhắc lại:**

**II. BÀI MỚI**

| **Nội dung học sinh ghi vào tập** | **Hướng dẫn** |
| --- | --- |
| **I. Khi nào thì xÔy + yÔz = xÔz:** * Nếu xÔy + yÔz = xÔz

thì tia Oy nằm giữa 2 tia Ox và Oz và ngược lại:* Nếu tia Oy nằm giữa 2 tia Ox và Oz thì

xÔy + yÔz = xÔz **II. Hai góc kề nhau, phụ nhau, bù nhau, kề bù:** xÔy và yÔz  và   kề nhau phụ nhau  và   và   bù nhau kề bù **PHẦN BÀI TẬP HỌC SINH CẦN GIẢI (Nộp GV)****Bài 10:** Bài 18/82: (SGK) Nhìn hình 1: Cho biết tia OA nằm giữa 2 tia OB và OC, BÔA = 450; AÔC = 320 . Tính BÔC **Bài 11:** Bài 19/82: (SGK) Nhìn hình 2: Cho biết 2 góc kề bù xOy và yOy’, xÔy = 1200. Tính yÔy’ =? **Bài 12.** Bài 20/82: (SGK) Nhìn hình 3: Cho biết tia Oy nằm giữa 2 tia OA và OB, AÔB = 600, BÔI = $\frac{1}{4} $AÔB. Tính: BÔI , AÔI ? | CÁC EM XEM BÀI GIẢNG CLICK VÀO LINK<https://www.youtube.com/watch?v=q0qOXlTSWtM>-Hai góc xÔy và yÔz kề nhau vì có cạnh chung Oy -Hai góc  và phụ nhau, ta có:  + = 900-Hai góc  và  kề bù nhau, ta có: + = 1800 **Hướng dẫn:** Bài 18/82: (SGK) Nhìn hình 1: Tia OA nằm giữa 2 tia OB và OC, ta có: BÔA + AÔC = BÔC Thay số đo**Hướng dẫn** Bài 18/82: ĐS: BÔC = 770 **Hướng dẫn:** Bài 19/82: (SGK) Nhìn hình 2: xÔy và yÔy’ là 2 góc kề bù, ta có : xÔy + yÔy’ = xÔy’ Thay số đoĐS: yÔy’ = 600 **Hướng dẫn:** Bài 20/82: (SGK) Nhìn hình 3: ĐS : BÔI = 150  AÔI = 450 |

**Dặn dò:**

***- Học sinh nộp giáo viên chậm nhất trước 7 giờ 00 thứ 6 ngày 08/5/2020.***

**- Học sinh ghi bài và làm bài vào tập (ghi họ tên lớp, đánh số trang) rồi chụp hình bài làm 🡪 copy hình vào file Word theo thứ tự bài làm (đặt tên file word: ten HS\_mon lop\_tuan28, ví dụ: Quynh Anh\_Toan 6-01\_tuan28).**

**- Nộp bài cho giáo viên qua zalo hoặc mail.**

**Học sinh có khó khăn, thắc mắc liên hệ giáo viên theo thông tin sau:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp phụ trách** | **Giáo viên** | **Số điện thoại** | **Địa chỉ mail** |
|
| 6/01,6/05 | Phan Văn Hải | 0372971005 | phanvanhai68kg@gmail.com |
| 6/02, 6/03 | Trương Phước Minh | 0799597485 | z610i\_vn@yahoo.com.vn |
| 6/7, 6/13 | Võ Thị Kim Tuyến | 0909374066 | vtktuyenttv@gmail.com |
| 6/04, 6/06 | Thái Thị Trang | 0979252741 | thaitrangt2t@gmail.com |
| 6/08, 6/10 | Nguyễn Thị Bạch Tuyết T | 0987122591 | namtuyet34@yahoo.com.vn |
| 6/09, 6/12 | Ngô Thị Thanh Tuyền | 0767739108 | ngotuyen311@yahoo.com |
| 6/11 | Phan Minh Văn | 0903122945 | phanminhvan4198@gmail.com |

**\* Lưu ý: Nội dung bài học, bài làm của học sinh sẽ được giáo viên chấm điểm ghi nhận lại kết quả học tập và để căn cứ cho điểm kiểm tra thường xuyên: kiểm tra miệng, 15 phút (hệ số 1).**

………………HẾT………………